

**PHỤ LỤC**  
**HẠN NGẠCH THUẾ QUAN CỦA VIỆT NAM**

\*Bản dịch này chuyển từ bản dịch của TPP, do CPTPP giữ nguyên nội dung Chương này của TPP (theo TTWTO-VCCI)

1. Phụ lục này quy định một số sửa đổi trong Biểu cam kết của Việt Nam (HSV) liên quan tới các hạn ngạch thuế quan (TRQ) mà Việt Nam áp dụng đối với một số hàng hóa có xuất xứ theo Hiệp định này. Đặc biệt, hàng hóa có xuất xứ từ các Bên tham gia Hiệp định này bao nằm trong Phụ lục này sẽ được áp dụng các mức thuế được quy định tại Phụ lục này thay cho thuế suất quy định tại các Chương từ 1 đến 97 của HSV. Không phụ thuộc bất kỳ điều khoản nào khác của HSV, hàng hóa có xuất xứ từ các Bên tham gia Hiệp định này theo số lượng được mô tả tại Phụ lục này được phép nhập cảnh vào lãnh thổ của Việt Nam theo quy định tại Phụ lục này. Hơn nữa, lượng hàng hóa có xuất xứ nhập khẩu từ một Bên của Hiệp định này theo một hạn ngạch thuế quy định tại Phụ lục này sẽ không được tính vào số lượng trong hạn ngạch của bất kỳ hạn ngạch thuế quan nào cấp cho các hàng hóa tương tự trong Biểu HSV.

2. Hàng hóa hoặc các hàng hóa thuộc từng TRQ dưới đây được chính thức xác định trong tiêu đề của đoạn mô tả TRQ. Những tiêu đề này chỉ nhằm mục đích giúp người đọc hiểu được Phụ lục này và sẽ không thay đổi hoặc thay thế các phạm vi của các sản phẩm thông qua các mã sản phẩm thuộc Biểu cam kết của Việt Nam.

3. Mỗi TRQ được liệt kê dưới đây sẽ áp dụng cho tổng lượng hàng hóa có xuất xứ từ khu vực TPP.

*TRQ-VN1 – Xe đã qua sử dụng với công suất động cơ ít hơn hoặc bằng 3000 phân khối*

4. (a) HNTQ được mô tả trong đoạn này có ghi chú “TRQ-VN1” trong Phụ lục BB-X của Biểu cam kết của Việt Nam.

(b) Tổng lượng hàng hóa có xuất xứ trong khu vực TPP được mô tả trong đoạn (f) được phép nhập khẩu vào Việt Nam mỗi năm với mức thuế được xác định theo lộ trình thuộc nhóm VN16-a như sau:

Năm	Số lượng (lượng xe)
1	30
2	33
3	36
4	39
5	42
6	45
7	48
8	51

9	54
10	57
11	60
12	63
13	66
14	69
15	72
16 và mỗi năm sau đó	75

- (c) Việt Nam có trách nhiệm quản lý hạn ngạch thuế này và phân bổ số lượng trong hạn ngạch thông qua đấu giá hàng năm, diễn ra trong quý đầu tiên của mỗi năm. Việt Nam được phép giữ lại, ngoài thuế được xác định phù hợp với lộ trình B16-a, số lượng mỗi lần bỏ giá thành công trong cuộc đấu giá.
- (d) Việt Nam có trách nhiệm quản lý việc bán đấu giá như nêu tại điểm (c) phù hợp với tất cả các cam kết khác trong Hiệp định và tuân theo thủ tục sau đây:
- (i) Phiên đấu giá, và các thủ tục tham dự, sẽ được công bố trên trang web chính thức của một cơ quan chính phủ của Việt Nam ít nhất là ba mươi ngày trước phiên đấu giá.
  - (ii) Mọi chủ thể đăng ký là đơn vị kinh doanh phù hợp với pháp luật của Việt Nam có thể nhận phân bổ hạn ngạch thông qua đấu giá.
  - (iii) Việt Nam sẽ không yêu cầu bất kỳ mức bỏ giá tối thiểu nào để tham gia hoặc nhận phân bổ hạn ngạch thông qua đấu giá.
  - (iv) Việt Nam sẽ duy trì các thủ tục minh bạch về đấu giá và việc phân bổ hạn ngạch cho người hoặc những người bỏ giá hợp lệ cao nhất.
  - (v) Trong vòng hai tuần sau phiên đấu giá, Việt Nam sẽ công bố trên một trang mạng của chính phủ tên của tất cả các đơn vị đấu giá nhận được phân bổ hạn ngạch, số lượng được phân bổ và giá.
- (e) Thuế của tổng số hàng hoá nhập khẩu vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) được áp dụng ở mức thuế suất cơ sở.
- (f) Các tiểu mục (a) đến (e) áp dụng đối với hàng hóa đã qua sử dụng thấp hơn hoặc bằng 5 năm và có công suất động cơ nhỏ hơn hoặc bằng 3000 phân khối được phân loại theo HSV như sau: 8702, 8703 và 8704.

5. (a) Hạn ngạch thuế quan được mô tả trong đoạn này có ghi chú “TRQ-VN2” trong Phụ lục BB-X thuộc Biểu của Việt Nam.

(b) Tổng lượng hàng hóa có xuất xứ trong khu vực TPP được mô tả tại tiểu mục (e) sẽ được phép nhập khẩu vào Việt Nam mỗi năm với mức thuế được xác định phù hợp với lộ trình thuộc nhóm B16-a sẽ là:

Năm	Số lượng (lượng xe)
1	30
2	33
3	36
4	39
5	42
6	45
7	48
8	51
9	54
10	57
11	60
12	63
13	66
14	69
15	72
16 và mỗi năm sau đó	75

(c) Việt Nam có trách nhiệm quản lý hạn ngạch thuế này và phân bổ số lượng trong hạn ngạch thông qua đấu giá hàng năm, diễn ra trong quý đầu tiên của mỗi năm. Việt Nam được phép giữ lại, ngoài thuế được xác định phù hợp với lộ trình B16-a, số lượng mỗi lần bỏ giá thành công trong cuộc đấu giá.

(d) Việt Nam có trách nhiệm quản lý việc bán đấu giá như nêu tại điểm (c) phù hợp với tất cả các cam kết khác trong Hiệp định và tuân theo thủ tục sau đây:

- (i) Phiên đấu giá, và các thủ tục tham dự, sẽ được công bố trên trang web chính thức của một cơ quan chính phủ của Việt Nam ít nhất là ba mươi ngày trước cuộc đấu giá.
- (ii) Mọi chủ thể đăng ký là đơn vị kinh doanh phù hợp với pháp luật của Việt Nam có thể nhận phân bổ hạn ngạch thông qua đấu giá.
- (iii) Việt Nam sẽ không yêu cầu bất kỳ mức bỏ giá tối thiểu nào để tham gia hoặc nhận phân bổ hạn ngạch thông qua đấu giá.

- (iv) Việt Nam sẽ duy trì các thủ tục minh bạch về đấu giá và việc phân bổ hạn ngạch cho người hoặc những người bỏ giá hợp lệ cao nhất.
  - (v) Trong vòng hai tuần sau phiên đấu giá, Việt Nam sẽ công bố trên một trang mạng của chính phủ tên của tất cả các đơn vị đấu giá nhận được phân bổ hạn ngạch, số lượng được phân bổ và giá.
- (e) Thuế suất của tổng số hàng hoá nhập khẩu vượt quá số lượng được liệt kê trong mục (b) được duy trì ở mức cơ sở.
- (f) Các tiểu mục (a) đến (e) áp dụng đối với hàng hóa đã qua sử dụng thấp hơn hoặc bằng 5 năm và có công suất động cơ lớn hơn 3000 phân khối, được phân loại theo HSV là: 8702, 8703 và 8704.

*TRQ-VN3 – Lá thuốc lá*

6. (a) Hạn ngạch thuế quan được mô tả trong đoạn này có ghi chú “TRQ-VN3” trong phụ lục BB-X thuộc Biểu của Việt Nam.
- (b) Tổng lượng hàng hóa có xuất xứ trong khu vực TPP được mô tả tại tiểu mục (f) sẽ được phép nhập khẩu vào Việt Nam mỗi năm với mức thuế được xác định phù hợp với lộ trình B11 sẽ là:

Năm	Số lượng (tấn)
1	500
2	525
3	550
4	575
5	600
6	625
7	650
8	675
9	700
10	725
11	750
12	775

*Bản dịch không chính thức*

13	800
14	825
15	850
16	875
17	900
18	925
19	950
20	975

21 và mỗi năm sau đó không giới hạn

- (c) Việt Nam có trách nhiệm quản lý hạn ngạch này và phân bổ số lượng trong hạn ngạch thông qua các doanh nghiệp thương mại nhà nước.
- (d) Việt Nam có trách nhiệm quản lý cách thức phân bổ của doanh nghiệp thương mại nhà nước nêu tại tiểu mục (c) sao cho phù hợp với toàn bộ các cam kết trong Hiệp định.
- (e) Thuế suất của tổng số hàng hoá nhập khẩu vượt quá số lượng được liệt kê trong tiểu mục (b) được xác định phù hợp với lộ trình theo nhóm B21-a.
- (f) Các tiểu mục từ (a) đến (e) áp dụng cho hàng hóa được phân loại theo HSV là: 2401.